TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
"V/v Ly hôn giữa chị O và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hồ Thị O**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Hứa Văn T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Hồ Thị O trình bày như sau:

Chị O và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Thái vào ngày 26/5/2011. Sau

một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cự cãi bất hoà. Mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra khoảng tám năm nay do anh T không tu chí làm ăn, ham chơi tham gia cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Anh T đã được cha mẹ và vợ khuyên nhủ nhưng không thay đổi cách sống. Chị O nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm. Đến nay chị O xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị O xác định vợ chồng có 03 người con chung gồm Hứa Thanh H sinh ngày 04/6/2011, Hứa Huy H1 sinh ngày 25/10/2012 và Hứa Thị Ngọc H2 sinh ngày 16/01/2017. Hiện nay cháu Hứa Thanh H đang sống với mẹ và các cháu Hứa Huy H1 và Hứa Thị Ngọc H2 thì sống với anh T. Khi ly hôn chị O có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Hứa Thanh H và giao các cháu Hứa Văn H1 và Hứa Thị Ngọc H2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con khi được giao nuôi con đồng thời không cấp dưỡng nuôi con cho anh T khi Toà án giải quyết giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị O xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị O xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Hứa Văn T vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của của chị Hồ Thị O.

Ý kiến trình bày của con chung:

Cháu Hứa Thanh H sinh ngày 04/6/2011 có nguyện vọng được sống với mẹ và các cháu Hứa Huy H1 sinh ngày 25/10/2012 và Hứa Thị Ngọc H2 sinh ngày 16/01/2017 có nguyện vọng được sống với cha.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp trích lục kết hôn, giấy căn cước công dân (Bản công chứng), 03 bản sao giấy khai sinh của con chung. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Hứa Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị O được ly hôn với anh T; về con chung chấp nhận yêu cầu của chị O giao cháu Hứa Thanh H cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng và giao các cháu Hứa Huy H1 và Hứa Thị Ngọc H2 cho anh T nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn theo nguyện vọng của các con chung; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị O khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với chồng và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn do đó quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của chị O, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị O và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị O xác định đời sống hôn nhân của chị O và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do anh T không tu

chí làm ăn, ham chơi tham gia cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm đến vợ con từ đó đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Xét thấy, anh chị đã sống ly thân từ hơn một năm nay và quá trình giải quyết vụ án Toà án đã mở phiên hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị O giải quyết cho chị O ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị O và anh T có ba người con chung. Trong quá trình thăm dò ý kiến của con chung cháu Hứa Thanh H có nguyện vọng được sống với mẹ, còn các cháu Hứa Huy H1 và Hứa Thị Ngọc H2 có nguyện vọng được sống với cha. Xét thấy trong thời gian anh chị ly thân khoảng hơn một năm nay các con đã làm quen với việc không có đầy đủ cả cha và mẹ bên cạnh, cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu vẫn diễn ra bình thường, hiện nay cháu Hứa Huy H1 và cháu Hứa Thị Ngọc H2 ngoài sự nuôi dưỡng của cha thì còn có sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà nội nên cuộc sống của các cháu được bảo đảm, do đó để tránh làm xáo trộn thay đổi cuộc sống của các con chung Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Hứa Thanh H cho chị O nuôi dưỡng và giao các cháu Hứa Huy H1 và Hứa Thị Ngọc H2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn theo nguyện vọng của các con chung là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con còn anh T được giao nuôi con nhưng không thể hiện có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị O và anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị O xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị O xác định không có nợ chung, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị O là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị O.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị O và anh Hứa Văn T.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị O và anh Hứa Văn T có 03 (ba) người con chung gồm Hứa Thanh H sinh ngày 04/6/2011, Hứa Huy H1 sinh ngày 25/10/2012 và Hứa Thị Ngọc H2 sinh ngày 16/01/2017.

Giao cháu Hứa Thanh H sinh ngày 04/6/2011 cho chị Hồ Thị O tiếp tục nuôi dưỡng và giao các cháu Hứa Huy H1 sinh ngày 25/10/2012 và Hứa Thị Ngọc H2 sinh ngày 16/01/2017 cho anh Hứa Văn T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Hồ Thị O và anh Hứa Văn Th ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị O và anh Hứa Văn Th không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Hồ Thị O và anh Hứa Văn T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Hồ Thị O xác định không có nợ chung và không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị O có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003597 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Hồ Thị O đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16/5/2025, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái ;
- Lưu, HS, VP.